

Bản án số: 59/2023/DS -ST

Ngày 29/9/2023.

V/v: “Tranh chấp HĐ vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết.
2. Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 31/5/202 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, S năm 1969; Trú tại: Tổ dân phố Tây Sơn, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, S năm 1983 và chị Trần Thị Huyền, S năm 1985; Cùng trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Xuân S, S năm 1965; Trú tại: Tổ dân phố Tây Sơn, thị trấn C, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S: Luật sư Phạm Thị N - Văn phòng luật sư M, đoàn luật sư tỉnh Nam Định (địa chỉ: Số nhà 300, tổ dân phố số 4, thị trấn Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định).

Tại phiên tòa: Có mặt luật sư N.

Vắng mặt: Bà L, ông S (đều có đơn xin xét xử vắng mặt); Anh V và chị Huyền vắng mặt (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng bà và vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị Huyền có quan hệ quen biết với nhau. Ngày 01/8/2018, vợ chồng bà cho vợ chồng anh V vay số tiền 430 triệu đồng để mua tàu kinh doanh. Hai bên thống nhất thời hạn trả nợ gốc là từ khi vay đến tháng 12/2018 (âm lịch) trả 100 triệu đồng, sau đó mỗi tháng trả 10 triệu đồng vào ngày 15 hàng tháng và thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1,5%/tháng, trả theo hàng tháng trên số nợ gốc còn lại. Sau khi nhận đủ số tiền vay 430 triệu đồng, chị Huyền viết Giấy vay tiền và cùng anh V ký vào Giấy vay tiền. Tuy nhiên, vợ chồng anh V không trả lãi theo thỏa thuận và nhất đến tháng 12/2018 (âm lịch) sẽ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nhưng cũng không thực hiện. Vợ chồng bà đã nhiều lần gặp, yêu cầu vợ chồng anh V thực hiện việc trả nợ, đến ngày 10/02/2019 chị Huyền trả cho vợ chồng bà một phần số tiền nợ gốc là 30 triệu đồng và nhất đến cuối tháng 01/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ tiền nợ, tiền lãi theo thỏa thuận nhưng sau đó vợ chồng anh V không thực hiện, mặc dù vợ chồng bà đã nhiều lần gặp, yêu cầu trả nợ gốc, lãi suất theo thỏa thuận. Vì vậy, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị Huyền trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 400 triệu đồng và tiền lãi từ khi vay đến nay theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2023, vợ chồng anh Nguyễn Văn V thống nhất ý kiến như sau:

Vợ chồng anh có ký vào Giấy vay tiền ngày 01/8/2018 do bà L giao nộp cho Tòa án. Ngày 10/02/2019, vợ chồng anh đã trả cho bà L 30 triệu đồng, tuy nhiên sau đó do kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh không có tiền trả cho bà L. Nay vợ chồng anh đề nghị trả dần số nợ trên cho vợ chồng bà L với số tiền 10 triệu đồng/tháng, thời hạn trả vào ngày 15 (dương lịch) hàng tháng kể từ tháng 9/2023 cho đến khi trả hết số nợ 400 triệu đồng và xin không trả số tiền lãi mà bà L yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Xuân S có ý kiến như sau: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

- Luật sư Phạm Thị N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh V phải trả cho vợ chồng bà L tiền nợ gốc là 400 triệu đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2019 đến khi xét xử theo quy định của pháp luật.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà L và ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị Huyền vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh V, chị Huyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Đề nghị HĐXX: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Huyền phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S tổng số tiền là 580.000.000 đồng gồm tiền nợ gốc là 400 triệu đồng và tiền lãi tính từ tháng 3/2019 đến khi xét xử theo quy định của pháp luật là 180.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Huyền phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bà L và ông S là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị Huyền vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh V, chị Huyền là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Nội dung của Giấy vay tiền ngày 01/8/2018 thể hiện: Bà L cho vợ chồng anh V vay số tiền 430 triệu đồng. Thời hạn trả nợ gốc là từ khi vay đến tháng 12/2018 (âm lịch) trả 100 triệu đồng, sau đó mỗi tháng trả 10 triệu đồng vào ngày 15 hàng tháng. Giấy vay tiền trên đã được lập thành văn bản, có đầy đủ thông tin về bên vay tiền, bên cho vay tiền, số tiền vay, thỏa thuận về việc trả tiền, có chữ ký của bà L, anh V, chị Huyền và các bên đều không có khiếu nại, thắc mắc đối với giấy vay tiền này. Do đó, Giấy vay tiền ngày 01/8/2018 là hợp pháp và được HĐXX chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

- Các bên đều thừa nhận: Ngày 10/02/2019 chị Huyền đã trả cho bà L 30 triệu đồng tiền nợ gốc của số tiền đã vay nên vợ chồng anh V còn nợ vợ chồng bà L 400 triệu đồng, tuy nhiên sau đó vợ chồng anh V không trả thêm tiền cho bà L. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L về việc đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh V

trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 400 triệu đồng là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận.

- Giấy vay tiền ngày 01/8/2018 đã quy định về thời gian và số tiền phải trả theo từng giai đoạn. Ngày 10/02/2019 chị Huyền đã trả được 30 triệu đồng tiền nợ gốc, sau đó không trả tiền, không thực hiện đúng theo cam kết giữa hai bên đã được ghi trong giấy vay tiền. Như vậy, kể từ tháng 3/2019 vợ chồng anh V đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà L đối với số tiền đã cho vợ chồng anh V vay. Do đó, cần buộc vợ chồng anh V phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả kể từ tháng 3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Số tiền lãi vợ chồng anh V phải trả cho vợ chồng bà L là:

$400.000.000 \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 54 \text{ tháng} = 180.000.000 \text{ đồng (làm tròn số)}$.

[3] Về án phí:

3.1. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà L không phải nộp án phí. Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.2. Vợ chồng anh V phải chịu án phí đối với số tiền nợ gốc và số tiền lãi phải trả cho vợ chồng bà L, cụ thể:

$20.000.000 \text{ đồng} + (180.000.000 \times 4\%) = 27.200.000 \text{ đồng}$.

Chia theo phần, anh V và chị Huyền mỗi người phải nộp 13.600.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 464, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Huyền phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S tổng số tiền là **580.000.000** đồng (*năm trăm tám mươi triệu đồng*) gồm tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Huyền mỗi người phải nộp **13.600.000** đồng (*mười ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

2.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí **10.000.000** đồng (*mười triệu đồng*) bà L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002300 ngày 31/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của BLTTDS.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L và ông Lưu Xuân S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Huyền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND TT C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng